

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIA LÂM
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Bản án số:255/2022/HSST
Ngày 27/12/2022.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIA LÂM. THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cồ Khắc Đàm

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Thị Oanh

2. Bà Nguyễn Thị Chấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tứ, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Tô Thị Thu Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 190/2022/TLST-HS ngày 07 tháng 11 năm 2022, theo quyết định đưa ra xét xử số 227/2022/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2022 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn P, sinh năm 1998; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm D, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Đỗ Văn T(đã chết); Họ tên mẹ: Trần Thị N; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Bản án số 242/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt Đỗ Văn P 03(Ba) năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ ngày 30/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tại giam số 1 Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

2. Nguyễn Văn B, sinh năm 1998; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Xóm G, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa:12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Văn T1; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị X; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ ngày 30/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tại giam số 1 Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Nguyễn Văn B1, sinh năm 2002; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn N, xã N, huyện C, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Nguyễn Văn C; Họ tên mẹ: Trần Thị H; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ ngày 30/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tại giam số 1 Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

4. Trần Văn Đ, sinh năm 2002; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn N, xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ văn hóa: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Họ tên bố: Không có; Họ tên mẹ: Trần Thị T2; Bị cáo chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt khẩn cấp, tạm giữ ngày 30/3/2022. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tại giam số 1 Công an thành phố H. (Có mặt tại phiên tòa).

* Người bào chữa cho bị cáo Đỗ Văn P, Nguyễn Văn B1: Ông Phạm Đức T3 và Ông Tạ Văn T4 là Luật sư Công ty L6 thuộc Đoàn Luật sư thành phố H. (Có văn bản từ chối bào chữa nên vắng mặt tại phiên tòa).

* *Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn Đ:*

- Ông Nguyễn Đăng H1 là Luật sư Công ty L7 thuộc đoàn Luật sư thành phố H. (Có văn bản từ chối bào chữa nên vắng mặt tại phiên tòa).

- Ông Bùi Văn M là Luật sư Văn phòng L8 thuộc đoàn Luật sư thành phố H. (Có văn bản từ chối bào chữa nên vắng mặt tại phiên tòa).

* *Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Hoàng Văn D, Sinh năm 1991.

Trú tại: Quán T, L, V, Hưng Yên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

2. Chị Đỗ Thị D1, Sinh năm 1990.

Trú tại: Quán T, L, V, Hưng Yên.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

3. Anh Hà Thanh L, Sinh năm: 1980.

Trú tại: thôn Á, L, T, Ninh Thuận.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

4. Chị Nguyễn Thị L1, Sinh năm 1975.

Trú tại: Ấp C, Q, Đ, Cà Mau.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

5. Anh Lý Thành T5, Sinh năm 2003.

Trú tại: Ấp H, B, X, Đồng Nai.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

6. Chị Kim Thị D2, S năm 1980.

Trú tại: Tổ F, Ấp C, X, X, Đồng Nai.

(Vắng mặt tại phiên tòa).

7. Chị Danh Thị Bích N1, Sinh năm 1997.
Trú tại: Tổ G, Ấp K, K, K, Kiên Giang.
(Vắng mặt tại phiên tòa).
8. Chị Nguyễn Thị Ngọc G, Sinh năm 1992.
Trú tại: Tổ G, Ấp K, K, K, Kiên Giang.
(Vắng mặt tại phiên tòa).
9. Chị Lê Thị Út Đ1, Sinh năm 1986.
Trú tại: Tổ G, Ấp K, K, K, Kiên Giang.
(Vắng mặt tại phiên tòa).
10. Chị Võ Thị C1, Sinh năm 1979.
Trú tại: Tổ G, Ấp K, K, K, Kiên Giang.
(Vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 11 giờ 30 phút ngày 29/3/2022, tổ công tác thuộc Phòng cảnh sát hình sự Công an thành phố Hà Nội làm nhiệm vụ tại khu vực khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội, phối hợp cùng Công an xã Đ, Ban quản lý Tòa nhà S1-02 kiểm tra phòng 1212 phát hiện Đỗ Văn P, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ thuê phòng 1212 mục đích làm giả hồ sơ lái xe ô tô, xe máy để bán cho những người có nhu cầu mua qua mạng. Tổ công tác đã lập biên bản sự việc và đưa các đối tượng liên quan về trụ sở làm rõ.

Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H đã ra Lệnh khám xét khẩn cấp số 98 ngày 29/3/2022 tại phòng 1212 tòa S khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội, thu giữ:

- 01 máy in loại Canon, nhãn hiệu PixMa-G1010 đã qua sử dụng;
- 01 máy in nhãn hiệu Hiti Card Printer, Moden CS-200e, đã qua sử dụng;
- 04 lọ mực in màu của máy in loại Canon PixMa-G1010;
- 06 cuộn băng màu đen của máy in thẻ Hiti CS 200e;
- 04 tập giấy A4, nhãn hiệu Couche;
- 02 quyển sổ kẻ ngang KT (7mm) kích thước (175x250)cm.
- 03 căn cước công dân (loại thẻ cứng) gồm:

+ 01 CCCD số: 037092000581, mang tên Hà Văn T6, SN: 15/9/1992, Nơi thường trú: Q, N, Ninh Bình.

+ 01 CCCD số: 017202005612, mang tên Trần Văn Đ, SN: 31/3/2002, Nơi thường trú: D, C, Hòa Bình.

+ 01 CCCD số: 036098006043, mang tên Nguyễn Văn B, SN: 23/12/1998, Nơi thường trú: G, G, Nam Định.

- 01 chứng minh thư nhân dân (loại giấy), số: 163453239, mang tên Đỗ Văn P, SN: 16/7/1998, HKTT: xã G, huyện G, Nam Định.
- 04 phôi chứng chỉ sơ cấp nghề;
- 34 giấy phép lái xe loại thẻ cứng;
- 02 tập tem dùng để ép giấy phép lái xe (loại thẻ cứng);
- 01 bộ hồ sơ sát hạch gồm 03 trang giấy A4;
- 01 máy tính xách tay hiệu Dell ine, Model I, đã qua sử dụng;
- 02 case máy tính gồm: 01 case nhãn hiệu và model T37 by O.E.M và 01 case nhãn hiệu Micro Star, inernational Co. LTd model MS-7B75, đã qua sử dụng;
- 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, loại 1TB, số S/n: WXF 2ABOLS7F9; MDL: WD10SPZX-21Z110T0;
- 200 phong bì màu trắng, kích thước khoảng 23x16cm.
- 250 vỏ hộp cát tông.
- 35 phong bì EMS chưa ghi nội dung.
- 01 tờ giấy A4 ghi nội dung Hà Văn T6; khu liên 22 chung cư A complex, Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT người nhận 0813848300.
- 02 tờ giấy A4 ghi nội dung Bru cục SMS; số 1 T, X, B, Hà Nội 05284139999;
- 07 tờ giấy A4 ghi nội dung Người gửi: PHONG; khu liên 22 chung cư A complex, Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT 0813848300.
- 01 hợp đồng thuê phòng. Bên cho thuê là chị Lương Thị N2. Bên thuê nhà là Nguyễn Văn B.
- 30 phôi nhựa có kích thước khoảng 5,5x8,5cm.
- 50 túi ni lông kích thước khoảng 5,5x8,5cm.
- 30 bài thi sách hạch lý thuyết ở dưới có chữ ký, dấu tên của sát hạch viên Bùi Văn T7.
- 12 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có tên người khám, ở dưới có kết luận đủ sức khỏe lái xe, có chữ ký, dấu tên của BS Đỗ Văn T8 và dấu Giám định y khoa của Cục Y; Bệnh viện GTVT TW.
- 01 căn cước công dân số 010509700030, cấp ngày 01/01/2020, mang tên Lê Hồng P2, nơi thường trú: 102B, A8, N, Cầu G, Hà Nội.
- 01 căn cước công dân số 038202005568, cấp ngày 11/5/2019, mang tên Quách Văn Q, nơi thường trú: Thôn X, C, C, Thanh Hóa.
- 01 giấy CMND mang tên Hoàng Văn Q1; nơi thường trú: xã C, P, Gia Lai.
- 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B, STK: 22729497.
- 01 thẻ VISA của Ngân hàng M3 mang tên Lê Hồng P2 có số 4089041085674349.
- 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P có số 4221094004755946.

- 01 thẻ VISA của Ngân hàng M3 mang tên Đỗ Văn P có số 4089041051331775.

- 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P, có số 5370181017176198.

- 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407.

- 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407.

Vật chứng thu giữ của Đỗ Văn P:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số imel: 353324652542090, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ, số imel: 353055114298208, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng, số imel: 356395102642158, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

- 01 điện thoại di động kiểu máy live4, màu xanh, số imel: 354581112760666, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn B:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số imel: 354452062223396, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

Vật chứng thu giữ của Nguyễn Văn B1:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, số imel: 353905101902313, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

Vật chứng thu giữ của Trần Văn Đ:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu xám, số imel: 354386063252238, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

Quá trình điều tra, xác định nội dung vụ án như sau:

Khoảng cuối năm 2021, đầu năm 2022, để có tiền chi tiêu, bị cáo Đỗ Văn P rủ các bị cáo Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn B1 làm giả giấy phép lái xe mô tô, ô tô các loại mục đích bán cho người khác để thu tiền bất chính tại phòng 1212, tòa S, khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội (là căn hộ thuê của chị Lương Hán N3 - S: 1990, HKTT: 177 B, C, H, Hà Nội với giá 7.500.000 đồng/tháng), B1 và B đồng ý. Thời gian đầu, P, B và B1 chỉ đăng bài quảng cáo trên mạng xã hội và nhận đơn hàng. P giao cho B và B1 nhiệm vụ trả lời tin nhắn khách hàng, thỏa thuận sẽ trả công cho B1 và B mỗi người 3.000.000 đồng và mỗi bộ hồ sơ giấy phép lái xe được đặt hàng thành công sẽ được trả công thêm 100.000 đồng. Thời gian này, P vẫn đồng thời làm giả giấy phép lái xe với đối tượng có tên Đỗ Thanh G1 - Sinh: 1996, trú tại: xã G, huyện G, tỉnh Nam Định tại phòng 1807, T, khu đô thị T, V, H, Hà Nội. Trước đó, khoảng cuối tháng 10/2021, P mua 01 máy in Canon có giá khoảng 2.000.000 đồng để in chứng chỉ nghề giả; 01 máy in Hiti giá khoảng 17.000.000 đồng để in giấy phép lái xe giả; các phôi in giấy phép lái xe giả với giá 35.000đ/phôi; giấy A4 hai mặt bóng trên các trang thương mại điện tử Lazada và

S1 để in chứng chỉ giả; mua các loại mực in màu trên mạng xã hội Zalo; mua giấy A4 tại các cửa hàng tạp hóa từ số tiền thu lợi được từ việc làm giả giấy phép lái xe cùng với G1. Ngoài ra, P còn có sẵn 01 máy tính để bàn và 01 máy tính xách tay hiệu Dell, G1 có 01 máy tính để bàn phục vụ việc làm giả giấy tờ, tài liệu của cơ quan, tổ chức tại phòng 1807, T, khu đô thị T, V, H, Hà Nội. Đến tháng 02/2022, P và G1 không làm việc cùng nhau nữa nên P lấy toàn bộ máy móc từ phòng 1808, T8, T, V, H, Hà Nội đến phòng 1212, tòa S102, khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội để làm giấy phép lái xe giả với B1 và B. Khoảng giữa tháng 3/2022, P nói với B1 rủ thêm Trần Văn Đ cùng làm.

Quy trình làm giả giấy phép lái xe cùng các giấy tờ, tài liệu kèm theo được thực hiện như sau:

Đỗ Văn P sử dụng 07 tài khoản trên mạng xã hội Facebook để đăng bài quảng cáo nhận làm giấy phép lái xe giả gồm: “Thầy V”, “Minh Nguyệt 02”, “Gia Bảo 08”, “Trung tâm sát hạch lái xe 05”, “Minh Nguyệt”, “Bằng lái xe các hạng”, “Trung tâm sát hạch Ba L2”. Trên các bài đăng quảng cáo nêu nội dung làm giấy phép lái xe thật, hỗ trợ không phải đến địa điểm thi, khách hàng có nhu cầu sẽ nhắn tin liên hệ. P phân công cho B, B1, Đ nhiệm vụ trả lời tin nhắn, tư vấn cho khách hàng: B1 sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Hoàng tử W”, Z “H” đăng ký từ số điện thoại 0322911719; B sử dụng tài khoản Facebook mang tên “Nguyễn Quang H2”, Z “Quang Huy” đăng ký từ số điện thoại 0965362723; Đ sử dụng Facebook mang tên “Gia Bảo” và Z “Gia Bảo” để trả lời, tư vấn với khách hàng. B1, B, Đ báo giá tiền làm giấy phép lái xe như sau: Hồ sơ giấy phép lái xe A1, A2 có giá từ 1.200.000 đồng - 1.700.000 đồng; Hồ sơ bằng lái B1, B2 giá từ 4.500.000 đồng - 5.000.000 đồng; Hồ sơ bằng lái C,D,E,F giá 6.000.000 đồng. Nếu khách hàng đồng ý đặt làm giấy phép lái xe giả, B, B1 và Đ yêu cầu khách hàng chụp ảnh căn cước công dân hoặc chứng minh thư nhân dân và một ảnh chân dung gửi kèm theo số điện thoại, địa chỉ nhận hàng. Sau khi có thông tin khách hàng, B1, B, Đ sẽ gửi toàn bộ các thông tin trên vào nhóm mạng xã hội Zalo do P lập để P nhận thông tin, sau đó P chỉnh sửa hình ảnh khách hàng trên máy tính và ghép vào nền phong xanh giống như các giấy phép lái xe thật, P tiếp tục sử dụng các File thiết kế giấy phép lái xe giả có sẵn trong máy tính để điền thông tin khách hàng trên phần mềm Corel, kết nối với máy in Hititi in màu trên phôi giấy phép lái xe. Sau khi in xong, P dán tem phản quang của T38 vào hai mặt của giấy phép lái xe và một tem trôi ở mặt sau của giấy phép lái xe. Đối với chứng chỉ sơ cấp nghề bìa đỏ, P cũng chỉnh sửa thông tin khách hàng trên phần mềm Corel đã thiết kế sẵn và in bằng máy in Canon trên giấy A4 hai mặt bóng. Đối với các tài liệu: giấy khám sức khỏe, đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe, bản tổng hợp kết quả sát hạch cũng được P chỉnh sửa trên phần mềm Corel, gắn ảnh khách hàng

và in trên giấy A4 thường bằng máy in Canon. Trên các File đều có sẵn chữ ký của những người có thẩm quyền ký vào các loại giấy tờ, có sẵn cả hình con dấu.

Sau khi hoàn thành xong hồ sơ giấy phép lái xe giả, P lên mạng xã hội Facebook tìm dịch vụ vận chuyển thì biết đối tượng tên T9 không rõ nhân thân, T9 giới thiệu P liên lạc với tài khoản Z mang tên “Limited” để thuê vận chuyển thông qua Công ty V8, địa chỉ bưu cục tại: Số A N, H, Hà Nội. P đã chuyển hồ sơ giấy phép lái xe giả đến bưu cục Viettel Post 03 lần với tổng số 253 đơn hàng. Giữa tháng 3/2022, do các đơn hàng chuyển qua Công ty V8 bị thất lạc nhiều nên P đã liên hệ thuê Công ty V9, địa chỉ: Số A, ngõ B L, T, L, Hà Nội, chuyển một lần ngày 28/3/2022 với tổng số 40 hồ sơ giấy phép lái xe giả.

Quá trình thực hiện công việc làm giấy tờ giả từ ngày 09/02/2022 đến trước khi bị bắt, P đã lập nhiều nhóm mạng xã hội để phục vụ việc làm giả tài liệu gồm: Nhóm Zalo mang tên “3333” do P lập gồm: P (Zalo tên “Hoàng Văn Q1”), Đ (Zalo tên “Gia Bảo”), B1 (Zalo tên “Hoàng V1”) và B (Zalo tên “Nguyễn Quang H2”), trong đó: B1, B, Đ sẽ đăng thông tin khách hàng cần làm hồ sơ giấy phép lái xe giả lên nhóm để P dễ theo dõi, làm phôi bằng và chỉnh sửa; Nhóm Z mang tên “Nhóm ảnh” gồm: P, B1 và B để P gửi ảnh khách hàng cần làm giấy tờ giả đã qua chỉnh sửa; Nhóm “Support VTP TXB5665” xử lý đơn V10 post do đối tượng tên T9 - Nhân viên V10 post lập, xử lý đơn hàng, trong đó có các đơn hàng là các hồ sơ, giấy phép lái xe giả được P thuê gửi đến các khách hàng; Nhóm “QC-P2”, “Gia Bảo, Hoàng V1....”, “Sửa COD Hồng Phát” do P lập gồm các thành viên chạy quảng cáo Facebook cho việc làm giấy tờ giả của P; Nhóm “Shop Gia Bảo” do Admin của E (chuyển phát nhanh) xử lý đơn hàng; Nhóm “100” gồm đơn hàng do người khác nhận đơn rồi gửi đến nhóm của P làm (cò mạng) gồm P và Z1; Ngoài ra, còn một số nhóm Zalo khác, P tham gia bằng tài khoản Zalo tên “Phong” của P đều có chức năng tương tự nhóm “100”. P sử dụng số tài khoản 0363173063 mang tên Hoàng Văn Q1 do P đăng ký tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần S5 từ chứng minh nhân dân giả mang tên Hoàng Văn Q1, sinh ngày 03/3/2001; nơi thường trú: xã C, P, Gia Lai mua trên mạng, mục đích nhận tiền chuyển từ việc bán các giấy phép lái xe giả. Ngoài ra, P sử dụng số tài khoản 233333456888 Ngân hàng Q6 là tài khoản cá nhân mang tên Đỗ Văn P, trong đó cũng sử dụng vào mục đích thu lợi từ việc bán giấy phép lái xe giả. P còn khai sử dụng một số tài khoản ngân hàng bằng các chứng minh thư nhân dân giả khác để nhận chuyển tiền bán giấy phép lái xe giả nhưng đến nay P không nhớ số tài khoản.

Đối với tài khoản 0363173063 mang tên Hoàng Văn Q1 tại Ngân hàng S5, P đã nhận tiền từ việc bán giấy phép lái xe giả là 19.150.000 đồng và 5.513.500 đồng vào ngày 21/3/2022, 5.376.696 đồng vào ngày 24/3/2022. Tổng số tiền bán giấy phép lái xe giả từ tài khoản Hoàng Văn Q1 là 30.040.196 đồng.

Đối với tài khoản 2333334568888 mang tên Đỗ Văn P tại Ngân hàng Q6, P khai đã nhận được tiền bán giấy phép lái xe giả gồm: 10.000.000 đồng ngày 06/02/2022; 3.600.000 đồng ngày 14/02/2022; 30.900.000 đồng ngày 16/02/2022; 9.500.000 đồng và 11.000.000 đồng ngày 25/02/2022; 28.000.000 đồng ngày 04/3/2022. Tổng số tiền bán giấy phép lái xe giả từ tài khoản Đỗ Văn P là 93.000.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Đỗ Văn P thu được từ việc bán giấy phép lái xe giả qua 2 số tài khoản 0363173063 mang tên Hoàng Văn Q1 tại Ngân hàng S5 và tài khoản 2333334568888 mang tên Đỗ Văn P tại Ngân hàng Q6 là: **123.040.196 đồng**. Toàn bộ số tiền bán được giấy phép lái xe giả, P đã sử dụng vào mục đích chi tiêu sinh hoạt, trả tiền thuê nhà và đưa cho B số tiền 3.000.000 đồng. P chưa trả công cho B1 và Đ.

Tổng số đơn đặt hàng giấy phép lái xe giả Đỗ Văn P cùng đồng bọn đã nhận làm là 311 hồ sơ, trong đó có 293 hồ sơ giấy phép lái xe giả đã làm xong gửi chuyển phát nhanh qua bưu cục V11 (253 hồ sơ) và N4 (40 hồ sơ), còn 18 hồ sơ P chưa làm. Tổng số giấy phép lái xe giả Đỗ Văn P và đồng bọn đã làm giả là 293 giấy phép lái xe kèm 879 tài liệu giả gồm: giấy khám sức khỏe, đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe, bản tổng hợp kết quả sát hạch và các chứng chỉ sơ cấp nghề (đối với hồ sơ giấy phép lái xe ô tô), cùng với số tài liệu giả gồm: 04 phôi chứng chỉ sơ cấp nghề; 34 giấy phép lái xe loại thẻ cứng; 01 bộ hồ sơ sát hạch gồm 03 trang giấy A4; 30 bài thi sách hạch lý thuyết ở dưới có chữ ký, dấu tên của sát hạch viên Bùi Văn T7; 12 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có tên người khám, ở dưới có kết luận đủ sức khỏe lái xe, có chữ ký, dấu tên của BS Đỗ Văn T8 và dấu Giám định y khoa của Cục Y- Bệnh viện GTVT TW là vật chứng do cơ quan Công an thu giữ tại phòng 1212 tòa S1.02 khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội.

Ngày 04/4/2022, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố H đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 215/QĐ-PC02-Đ3, đã giám định điếm đối với 10/34 giấy phép lái xe thu giữ tại phòng 1212, tòa S102, khu đô thị V, Đa Tốn, G, Hà Nội của Đỗ Văn P cùng đồng phạm.

Tại Kết luận giám định số 2179/KL-KTHS ngày 06/4/2022 của Phòng C4 Công an thành phố H kết luận: 10 (Mười) “**GIẤY PHÉP LÁI XE**” gồm:

Giấy phép lái xe số 310211353430 mang tên Lưu Thị T10, hạng A1, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A1;

Giấy phép lái xe số 830211350768 mang tên H3, hạng A1, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A2;

Giấy phép lái xe số 580211640492 mang tên Hà Thanh L, hạng D, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A3;

Giấy phép lái xe số 380216551175 mang tên Phan Văn T11, hạng B2, ngày cấp: 12/8/2022, ký hiệu A4;

Giấy phép lái xe số 720211690486 mang tên Trần Thị Lệ O, hạng B2, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A5;

Giấy phép lái xe số 960211648412 mang tên Trương Hữu V2, hạng A1, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A6;

Giấy phép lái xe số 720211692416 mang tên H4, P3, hạng A2, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A7;

Giấy phép lái xe số 250182064281 mang tên Phan Xuân T12, hạng A2, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A8;

Giấy phép lái xe số 240211396741 mang tên Bùi Trung H5, hạng A2, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A9;

Giấy phép lái xe số 960211643317 mang tên Nguyễn Thanh N5, hạng A1, ngày cấp: 26/02/2022, ký hiệu A10.

10 (Mười) “GIẤY PHÉP LÁI XE” gửi giám định ký hiệu từ A1 đến A10 là 10 giấy phép lái xe giả.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã xác minh tại Bệnh viện G4: Tại Bệnh viện G4 không có bác sĩ nào là Võ Văn H6, Đỗ Xuân M1, Đỗ Văn T8. Bệnh viện không sử dụng mẫu dấu tròn đỏ có chữ “Giám định y khoa”.

Căn cứ thông tin trên 34 giấy phép lái xe thu giữ của Đỗ Văn P, danh sách những người thuê nhóm Đỗ Văn P làm giả hồ sơ, giấy phép lái xe thu được trong máy tính của P từ dịch vụ vận chuyển V10 và nội dung tin nhắn trao đổi giữa B, B1 và Đ với những người đặt hàng, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã ra Quyết định ủy thác điều tra để xác minh, lấy lời khai tất cả các trường hợp đặt làm giấy phép lái xe giả để làm rõ, xử lý theo quy định của pháp luật. Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã nhận được kết quả ủy thác điều tra vụ án và lấy lời khai đối với 77 trường hợp. Cụ thể như sau:

10 người đã thuê làm và sử dụng giấy phép lái xe giả gồm:

(1) Hoàng Văn D - Sinh: 1991, trú tại: Quán T, L, V, Hưng Yên: Bản thân anh D chưa từng thi giấy phép lái xe. Khoảng tháng 02/2022, anh D đã đặt mua qua mạng xã hội Facebook của nhóm Đỗ Văn P 01 giấy phép lái xe máy hạng A1 với giá 1.200.000 đồng, anh D chụp ảnh căn cước công dân để làm giấy phép lái xe. Khoảng 4-5 ngày sau, anh D nhận được từ nhân viên giao hàng 01 giấy phép lái xe mang tên anh Hoàng Văn D và hồ sơ đi kèm. Anh D đã thanh toán số tiền 1.200.000 đồng cho nhân viên giao hàng.

Vật chứng thu giữ của Hoàng Văn D: 01 GPLX hạng A1, số: 580211640492, mang tên: Hoàng Văn D, ngày sinh: 28/5/1991. Nơi cư trú: Liên Nghĩa, V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ Văn V3 và in dấu tròn đỏ

Sở G5 ngày cấp 26/2/2022; 01 bản tổng hợp kết quả sát hạch, 01 giấy khám sức khỏe, 01 đơn đề nghị học, sát hạch không ghi tên, tuổi, địa chỉ.

(2) Đỗ Thị D1 - Sinh: 1990, trú tại: Quán T, L, V, Hưng Yên: Bản thân chị D1 chưa từng thi giấy phép lái xe. Khoảng giữa tháng 02/2022, Đỗ Thị D1 sử dụng mạng xã hội Facebook với nhóm của Đỗ Văn P đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 kèm 01 bộ hồ sơ với giá 1.200.000 đồng, chị D1 đã cung cấp ảnh chụp căn cước công dân để làm giấy phép lái xe. Khoảng 5-6 ngày sau, chị D1 nhận được 01 giấy phép lái xe hạng A1 mang tên chị Đỗ Thị D1 và 01 bộ hồ sơ từ nhân viên giao hàng, chị D1 đã thanh toán cho người giao hàng số tiền 1.200.000 đồng.

Vật chứng thu giữ của Đỗ Văn D3: 01 GPLX hạng A1, số: 250182016482, mang tên: Đỗ Thị D1, ngày sinh: 19/7/1990. Nơi cư trú: Xã L, V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ Văn V3 và in dấu tròn đỏ Sở G5 ngày cấp 26/2/2022; 01 bản tổng hợp kết quả sát hạch, 01 giấy khám sức khỏe, 01 đơn đề nghị học, sát hạch để cấp giấy phép lái xe không ghi tên, tuổi, địa chỉ.

(3) Hà Thanh L - Sinh năm: 1980, trú tại: thôn Á, L, T, Ninh Thuận: Tháng 3/2022, L sử dụng Facebook mang tên “Thanh Long” và Z có tên “Thanh Long” đăng ký số điện thoại 0333505543 để liên hệ với Facebook “Dịch vụ làm bằng lái” và Z “H” mục đích mua giấy phép lái xe. Bản thân L đã từng thi giấy phép lái xe hạng C năm 2007, thi nâng hạng D năm 2016, do giấy phép lái xe này sẽ hết hạn vào tháng 11/2022, Long cung cấp hình ảnh (4X6) và căn cước công dân gửi cho nhóm của P. Nhóm của P tư vấn, cam kết là giấy phép lái xe thật, có hồ sơ đầy đủ nên L đồng ý mua. Sau khi đặt hàng, 15 ngày sau (tháng 4/2022), L đã nhận được 01 giấy phép lái xe hạng D từ nhân viên giao hàng mang đến, L đã thanh toán tiền mặt với giá 8.500.000 đồng. Bản thân L sẽ sử dụng giấy phép lái xe trên khi giấy phép lái xe cũ hết hạn vào tháng 11/2022. L bị Công an huyện T, Ninh Thuận thu giữ 01 giấy phép lái xe hạng D. Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã đề nghị phối hợp để bàn giao giấy phép lái xe trên.

(4) Nguyễn Thị L1 - Sinh năm 1975, trú tại: Ấp C, Q, Đ, Cà Mau: Cuối năm 2021, L1 sử dụng Zalo “Hoàng Loan” đăng ký số điện thoại 0828841177 liên lạc với P qua Z để thuê làm giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.200.000 đồng. Bản thân L1 đã từng thi sát hạch lái xe tại Trung tâm sát hạch lái xe ở tỉnh Cà Mau nhưng chưa đỗ, do không học được, công việc bận rộn nên đặt làm giấy phép lái xe. Nhóm P tự giới thiệu làm trong ngành giao thông, đảm bảo giấy phép lái xe thật, quét mã QR sẽ có đầy đủ thông tin nên đồng ý làm, chụp ảnh và căn cước công dân gửi P. Công an huyện Đ, Cà Mau đã thu giữ của Nguyễn Thị L1 01 giấy phép lái xe hạng A1. Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã đề nghị phối hợp để bàn giao giấy phép lái xe trên.

(5) Lý Thành T5 - Sinh: 2003, trú tại: Ấp H, B, X, Đồng Nai: T5 đang là sinh viên đại học trên địa bàn TP Hồ Chí Minh, nhu cầu đi lại nhiều nhưng chưa thi sát hạch cấp giấy phép lái xe. Cuối năm 2021, T5 đặt qua mạng xã hội 01 giấy phép lái xe hạng A1 do người nhận làm giấy phép lái xe cam kết là hồ sơ hợp lệ, có người thi hộ, chỉ cần gửi ảnh chân dung và ảnh chứng minh nhân dân. Sau vài ngày, nhân viên chuyển hàng nhanh đã chuyển giấy phép lái xe đến nhà cho T5, T5 thanh toán số tiền 1.700.000đ (Một triệu bảy trăm nghìn đồng) cho người làm giấy phép lái xe cho T5. Đến nay, T5 không còn lưu số tài khoản người nhận. Điện thoại mà T5 dùng để liên lạc để làm giấy phép lái xe đã hỏng và mua máy khác. Tại Cơ quan công an, T5 mới biết giấy phép lái xe mà T5 đặt làm là giả. T5 đã giao nộp bản phô tô: 01 giấy phép lái xe hạng A1 giả và 01 bộ hồ sơ sát hạch mang tên T5.

(6) Kim Thị D2 - Sinh: 1980, trú tại: Tổ F, Ấp C, X, X, Đồng Nai: Khoảng tháng 9/2021, đặt làm giấy phép lái xe hạng A1 với giá 1.400.000 đồng. D2 gửi hình ảnh, căn cước công dân để làm giấy phép lái xe giả. Bản thân D2 làm ruộng, bệnh tật, sợ thi không đỗ và nghĩ giấy phép lái xe đặt làm là thật nên đồng ý đặt làm, mục đích để tham gia giao thông. D2 đã giao nộp bản phô tô: 01 bảng tổng hợp kết quả sát hạch; 01 đơn đề nghị học, sát hạch không ghi tên, tuổi, địa chỉ.

(7) Danh Thị Bích N1 - Sinh: 1997,

(8) Nguyễn Thị Ngọc G - Sinh: 1992

(9) Lê Thị Út Đ1 - S: 1986

(10) Võ Thị C1 - Sinh: 1979

Cùng trú tại: Tổ G, Ấp K, K, K, Kiên Giang

Cuối năm 2021, Danh Thị Bích N1 thấy trên Facebook quảng cáo làm giấy phép lái xe không cần thi, nên đã gửi ảnh và căn cước công dân để làm giấy phép lái xe. Nguyễn Thị Ngọc G, Lê Thị Út Đ1, Võ Thị C1 cũng gửi ảnh và căn cước công dân để làm, mỗi giấy phép lái xe có giá 1.500.000 đồng, mục đích để điều khiển xe mô tô tham gia giao thông. Cả N1, G, Đ1, C1 đã thanh toán, nhận được hàng. Cơ quan Công an đã thu giữ mỗi người một giấy phép lái xe kèm bộ hồ sơ photo gồm: 01 bảng tổng hợp kết quả sát hạch; 01 giấy khám sức khỏe; 01 đơn đề nghị học, sát hạch.

17 người không nhận giấy phép lái xe hoặc/và không sử dụng, gồm:

(1) Đào Hoàng K - Sinh: 2000, trú tại: Tổ D, KP H, thị trấn Đ, Đ, Đồng Nai: Cuối năm 2021, sử dụng F “Đào Hoàng K”, Z “Đhkhhoa” số điện thoại 0389517518 liên lạc làm giấy phép lái xe. Khi nhận hàng, có 01 bộ hồ sơ có dấu tròn đỏ, chỉ ghi thông tin cá nhân người thi, do thấy giấy tờ không đảm bảo quy định của pháp luật, nên K không nhận hàng, không thanh toán.

(2) Vũ Anh T13 - Sinh: 1993, trú tại: T, H, L, Hòa Bình: Tháng 02/2022, đặt làm giấy phép lái xe A1 với giá 1.400.000 đồng, đã chụp ảnh chân dung và

căn cước công dân gửi để làm giấy phép lái xe. Bản thân đã từng thi giấy phép lái xe hạng C tại Hòa Bình. Sau 7 ngày khi đặt hàng, nhân viên giao hàng mang đến, lúc này T13 biết là Giấy phép lái xe giả nên không nhận hàng, không trả tiền.

(3) Bùi Hải L3 - Sinh: 1995, trú tại: Thôn T, T, M, Hà Nội: Cuối năm 2021 đặt làm giấy phép lái xe với giá 1.500.000 đồng, đã chụp ảnh chân dung và căn cước công dân gửi. Sau 10-15 ngày khi đặt hàng, nhân viên giao hàng mang đến, lúc này biết là Giấy phép lái xe giả nên không nhận hàng, không thanh toán.

(4) Đinh Văn T14 - Sinh: 1990, trú tại: thôn C, C, N, Hải Dương: Đầu năm 2022, đặt làm giấy phép lái xe A1 với giá 800.000 đồng. Bản thân đã từng thi và được cấp giấy phép lái xe B2 nhưng do đã bán ô tô, dùng xe máy nên đặt làm giấy phép lái xe A1. Khi nhận hàng, biết là Giấy phép lái xe giả nên không nhận hàng, không trả tiền.

(5) Nguyễn Quốc B2 - Sinh: 2000, trú tại: Cốc T, K, T, Hà Nội: Tháng 4/2021, đặt giấy phép lái xe A1 giá 1.300.000 đồng, do nhu cầu đi lại, không có giấy phép lái xe. Khi nhận hàng, biết là Giấy phép lái xe giả nên không nhận hàng, không trả tiền.

(6) Ngọc T15 - Sinh: 1973, trú tại: A, Nguyễn Văn T16, ấp C, L, Nhà B, TP Hồ Chí Minh: Tháng 11/2021, đặt trên mạng xã hội Facebook giấy phép lái xe A2 giá 1.600.000 đồng. Khi nhận hàng, biết là Giấy phép lái xe giả nên không nhận hàng, không trả tiền.

(7) Nguyễn Thị T17 - Sinh: 1967, trú tại: Phô R, P, T, Bắc Ninh: Cuối năm 2021, truy cập Facebook thấy đăng tư vấn làm giấy phép lái xe. Đặt làm, nhưng sau đó nói chuyện với gia đình, biết là giấy phép lái xe giả, nên không nhận, không trả tiền.

(8) Lâm Văn T18 - Sinh: 2002, trú tại: 8, tổ B, KV4, phường T, B, TP Cần Thơ: Cuối năm 2019, thấy Facebook đăng làm giấy phép lái xe, đảm bảo thật 100%. T18 đặt giấy phép lái xe B2 với giá 2.800.000 đồng, nếu thi sát hạch thì sẽ phải đóng thêm 3.000.000 đồng. Đã cung cấp ảnh, chứng minh thư nhân dân. Khi nhận hàng, người trong gia đình nói là giấy phép lái xe giả nên không sử dụng lần nào, hiện nay đã mất, thất lạc.

(9) Nguyễn Anh V4 - Sinh: 1960, trú tại: A, M, M, TP B: Cuối tháng 3/2022, thấy tài khoản Z nhận làm giấy phép lái xe, do giấy phép lái xe cũ hết hạn, muốn đổi Giấy phép lái xe mới. Bản thân V4 đã thi giấy phép lái xe hạng C năm 1990 tại Sở GTVT tỉnh B, sau đó nâng hạng lên D nhưng đã hết hạn. Sau khi nhận hàng, quét mã QR không thấy thông tin trên hệ thống nên không nhận hàng, không trả tiền.

(10) Dương Văn D4 - Sinh 1960, trú tại: Ấp C, B, X, tỉnh Bà Rịa, Vũng Tàu: Cuối năm 2021, khi đọc trên mạng xã hội Facebook quảng cáo về việc: Trường Đ4 trong dịch bệnh covid, không phải học, không cần thi, nên đặt giấy

phép lái xe hạng B2 với giá 4.000.000 đồng. Đã nhận giấy phép lái xe nhưng không sử dụng do chưa mua được xe 3 bánh để lái. Hiện nay đã thất lạc giấy phép lái xe trên.

(11) Nguyễn Văn C - Sinh: 1982, trú tại: thôn T, Đ, T, Hải Dương: Năm 2021, đã đăng ký thi giấy phép lái xe ô tô nhưng do dịch bệnh Covid-19 nên chưa thi được, bản thân chưa thi giấy phép lái xe bao giờ. Tháng 3/2022, đặt làm giấy phép lái xe B2 với giá 3.500.000 đồng. Khi nhận được giấy phép lái xe thì biết giấy phép lái xe là giả nên đã tiêu hủy và chưa sử dụng lần nào.

(12) Nguyễn Vũ K1 - Sinh: 1981, trú tại: Tổ E, khu phố D, thị trấn V, V, Đồng Nai: Đã có giấy phép lái xe hạng C, do tháng 9/2022 hết hạn. K1 hỏi thì được biết giá 3.500.000 đồng, K1 không đồng ý làm nữa.

(13) Khúc Văn T19 - Sinh: 1984, trú tại: Nga H, Y, Q, Bắc Ninh: Năm 2016, Khúc Văn T19 đã thi và được cấp giấy phép lái xe hạng A1 nhưng trong quá trình sử dụng đã làm mất. Khoảng tháng 3/2022, T19 thấy trên mạng xã hội Facebook có bài đăng quảng cáo nhận làm giấy phép lái xe. T19 được tư vấn không phải thi, chỉ cần đóng tiền do đang trong mùa dịch covid. T19 đã đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 nhưng đến nay vẫn chưa nhận được và chưa thanh toán tiền.

(14) Đặng Văn B3 - Sinh: 1976, trú tại: C, P, C, TP HCM: Năm 2009, Đặng Văn B3 đã thi và được cấp giấy phép lái xe hạng A1. Năm 2019, B3 đăng ký thi sát hạch cấp bằng B2 nhưng do dịch bệnh Covid nên Trung tâm sát hạch chưa tổ chức thi. Cuối năm 2021, B3 thấy trên mạng xã hội Facebook có đăng quảng cáo làm giấy phép lái xe trong mùa dịch, tạo điều kiện cho người dân được cấp giấy phép lái xe mà không cần phải thi, lệ phí là 3.000.000đ (Ba triệu đồng). B3 đã đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng B2. B3 được nhân viên giao hàng nhanh chuyển đến 01 giấy phép lái xe. B3 nhận thấy giấy phép lái xe là giả nên không nhận và không thanh toán tiền.

(15) Lê Văn T20 - Sinh: 1995, trú tại: T, B, Bình Dương. Tháng 7/2021, Lê Văn T21 có nhu cầu thi cấp giấy phép lái xe hạng B2 nhưng do dịch C2 không thi được. T21 thấy trên Facebook có quảng cáo nhận làm giấy phép lái xe trong mùa dịch, không cần phải thi, đảm bảo là thật, lệ phí thi là 5.000.000 đồng. Sau đó, T21 có hỏi ý kiến người quen thì biết đây là làm giả giấy phép lái xe nên T21 không đặt làm nữa.

(16) Trương Minh T22 - Sinh: 1983, trú tại: Phường A, Quận T, TP HCM: Tháng 11/2021, Trương Minh T22 có nhu cầu thi cấp giấy phép lái xe hạng B2 nhưng do dịch C2 không thi được. T22 thấy trên Facebook có quảng cáo nhận làm giấy phép lái xe trong mùa dịch, không cần phải thi, đảm bảo là thật, lệ phí thi là 2.500.000 đồng. Sau đó, T22 biết đây là làm giả giấy phép lái xe nên T22 không nhận hàng và thanh toán tiền.

(17) Nguyễn Thái H7 - Sinh: 1983, trú tại: Phường A, Quận G, TP HCM: Năm 2021, Nguyễn Thái H7 có đặt làm 01 giấy phép lái xe hạng A1 trên mạng xã hội Facebook với giá 1.200.000 đồng. Sau khoảng 01 tháng, nhân viên giao hàng nhanh đã chuyển 01 giấy phép lái xe đến cho H7. H7 đã thanh toán 1.200.000 đồng. H7 nhận thấy đây là giấy phép lái xe giả nên đã vứt bỏ, không sử dụng.

47 người không xác minh được và không có mặt tại địa phương:

(1) Lưu Thị T10 - Sinh: 1978, địa chỉ: T, K, Hải Phòng: Qua xác minh không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(2) Đỗ Ngọc Đ2, địa chỉ: E, xã T, Đ, Đồng Nai: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(3) Phạm Văn T23, địa chỉ: Xóm A, N, N, Thanh Hóa: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(4) Quảng Thị D5, địa chỉ: Đ, Đ, Y, Bắc Ninh: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(5) Tạ Văn T24, địa chỉ: Đ, Đ, Y, Bắc Ninh: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(6) Phạm Phú T25, địa chỉ: G K, X, L, Đồng Nai: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(7) Nguyễn Xuân B4, địa chỉ: G K, X, L, Đồng Nai: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(8) Phạm Văn L4, địa chỉ: D, Trần Nhân T26, B, L, Đồng Nai: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(9) Võ Văn T27 - Sinh: 1995, địa chỉ: xã H, T, Cà Mau: không có mặt tại địa phương, đi làm thuê tại Bình Dương.

(10) Huỳnh Quốc K2 - Sinh: 1992, địa chỉ: xã H, T, Cà Mau: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(11) Lê Thị H8, địa chỉ: Khu C, Q, H, Quảng Ninh: không xác định được là ai.

(12) Nguyễn Ngọc A, địa chỉ: 48/14/225 Ngô Gia T28, Đ, H, Hải Phòng: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(13) Nguyễn Thanh V5 - Sinh: 1980, địa chỉ: N, C, Đ: không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(14) Nguyễn Phương B5, địa chỉ: Ấp L, B, G, Tiền Giang: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(15) Châu Thị Mai T29, địa chỉ: Ấp L, B, G, Tiền Giang: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(16) Thạch Thị Sóc K3, địa chỉ: D H, L, T, thành phố Hồ Chí Minh: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(17) Nguyễn Hồng D6 - Sinh: 1995, địa chỉ: Tổ I, ấp H, T, Hón Q2, Bình Phước: không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(18) Hồ Thị Ngọc N6, địa chỉ: ấp T, Long An, thị xã T, An Giang: không xác định được là ai; không có ấp T.

(19) Lý Pà Đ3, địa chỉ: thôn H, thị trấn Đ, Đ, Hà Giang: không có công dân nào tên Lý Pà Đ3, không có địa chỉ thôn H.

(20) Lê Văn T30, địa chỉ: G, Phương L5, Q, Bắc Ninh: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(21) Nguyễn Hữu B6, địa chỉ: T, Đào M2, L, Bắc Giang: không có mặt tại địa phương, đã đi xuất khẩu lao động tại CH B từ tháng 7/2021 đến nay.

(22) Hà Văn T6 - Sinh: 1992, địa chỉ: thôn Đ, Q, N, Ninh Bình: không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(23) Hoàng Ngọc G2 - Sinh: 1984, địa chỉ: Tổ D, C, L, Hà Nội: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(24) YHUT H'DRUE, địa chỉ: Công ty P6, T, D, Bình Dương: đã nghỉ việc tại công ty, không có mặt tại địa phương nữa.

(25) Phạm Văn X1, địa chỉ: Xã M, C, Bình Phước: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(26) Triệu Thị C3, địa chỉ: thôn N, B, Y, Yên Bái: không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(27) Nguyễn Văn H9, địa chỉ: thôn T, Đ, L, Vĩnh Phúc: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(28) Lương Quốc V6, địa chỉ: ấp A, tổ C, đường C C, T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(29) Điều Lợi, địa chỉ: nhà T, P, T, thị xã P, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(30) Nguyễn Thị N7 - Sinh: 1997, địa chỉ: Xóm A, D, D, Nghệ A1: không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(31) Nguyễn Văn A2 - Sinh: 1992, địa chỉ: số nhà B, TL 848, T, TP S, tỉnh Đồng Tháp: Kết quả xác minh: Tháng 3/2022 đã đặt làm 1 giấy phép lái xe A1, đã bị thu hồi (biên bản xác minh ngày 15/3/2022); hiện đã chuyển HKTT về thôn T, Hồ N, B, Bình Thuận từ tháng 6/2022. Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã có công văn số 2153 ngày 04/10/2022 gửi Cơ quan CSĐT - Công an huyện B, Bình Thuận, đến nay chưa có kết quả trả lời.

(32) Hoàng Văn H10, địa chỉ: thôn C, Bản P, B, Lào Cai: không có công dân nào có tên trên, địa phương không có thôn C.

(33) Đỗ Thanh H11, địa chỉ: thôn C, Bản P, B, Lào Cai: không có công dân nào có tên trên, địa phương không có thôn C.

(34) Huỳnh Phước S2, địa chỉ: P, P, L, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(35) Nguyễn Văn T31, địa chỉ: A, khu phố B, T, B: không có địa chỉ 11A

(36) Nguyễn Văn H12, địa chỉ: A, khu phố B, T, B: không có địa chỉ 11A

(37) Nguyễn Hoàng N8, địa chỉ: C A, KP5, A, quận B: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(38) Võ Văn T32, địa chỉ: A L, T, quận B: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(39) Đỗ Xuân S3, địa chỉ: thị trấn G, X, Đồng Nai: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(40) Nguyễn Văn Q3, địa chỉ: T, Xuân T33, X, Đồng Nai: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(41) Bùi Trung H5 - Sinh: 2001, địa chỉ: G, Đ, Y, Bắc Giang: không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(42) Lê Thị T34, địa chỉ: khóm D, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(43) Nguyễn Thị P4 - Sinh: 1929: địa chỉ: A, L, K4, P6, thành phố C, tỉnh Cà Mau: không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(44) Đoàn Lam T35 - Khóm I, phường F, thành phố C, tỉnh Cà Mau: không có công dân nào có tên, tuổi, địa chỉ như trên.

(45) Thân Tuấn V7, địa chỉ: Ấp C, B, G, Tây Ninh: không có ai tên Thân Tuấn V7. Xác minh số điện thoại đăng ký là 0905867302 là Nguyễn Minh T36 - Sinh: 1984, địa chỉ: Ấp C, B, G, Tây Ninh: bản thân đã có giấy phép lái xe, không đặt thuê làm giả.

(46) Lê Văn G3 - Sinh: 1983, địa chỉ: Ấp H, Xã H, Huyện G, Kiên Giang không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì.

(47) Nguyễn Thị N9 - Sinh: 1999, địa chỉ: Xóm R, Xã Q, H.Đầm Dơi, Cà Mau: không có mặt tại địa phương, không biết ở đâu, làm gì.

03 người khẳng định không liên quan gì đến làm giả giấy phép lái xe, gồm:

(1) Nguyễn Văn T1 - Sinh: 1974, trú tại: Ấp Đ, B, B, Bình Dương: Hiện có giấy phép lái xe hạng A1, D do học, thi sát hạch tại Bình Dương: A1 cấp năm 2003, B2 cấp năm 2009; thi nâng hạng từ B2 lên D năm 2015. Khẳng định giấy phép lái xe do bản thân tự học, thi, không mua hay đặt của ai.

(2) Lê Thế H13 - Sinh: 1993, trú tại: B bis T, Võ Thị S4, Quận C, TP Hồ Chí Minh: Không thuê ai làm giấy phép lái xe giả, không liên quan đến vụ việc này.

(3) Nguyễn Xuân H14 - Sinh 1981, trú tại: Tổ A, Phường T, TP T, Thái Nguyên. Anh H14 không thuê ai làm giấy phép lái xe giả, không liên quan đến vụ việc này.

Ngoài 77 trường hợp trên, các trường hợp khác đặt làm giấy phép lái xe giả đã được Cơ quan CSĐT - Công an huyện G ủy thác xác minh, lấy lời khai, đến nay chưa có kết quả trả lời.

Đối với 02 giấy phép lái xe hạng A1 thu giữ của Đỗ Thị D1 và Hoàng Văn D. Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã xác minh 02 giấy phép lái xe này tại Vụ quản lý phương tiện và người - T38 được cung cấp: Không có thông tin về giấy phép lái xe trên cơ sở dữ liệu giấy phép lái xe toàn quốc.

Đối với đối tượng Đỗ Thanh G1 theo bị cáo Đỗ Văn P khai có hành vi làm giả tài liệu của cơ quan, tổ chức với Đỗ Văn P từ tháng 9/2021 đến tháng 02/2022 tại phòng 1807, T, khu đô thị T, V, H, Hà Nội và mua các máy móc, thiết bị phục vụ làm giấy tờ giả. Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã xác minh tại Công an xã G, G, Nam Định nhưng không phát hiện ai có tên Đỗ Thanh G1 - Sinh: 1996 có địa chỉ tại G, G, Nam Định. Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã gửi yêu cầu Ban Thanh tra - Kiểm toán, Tập đoàn V10 để xác minh chủ thuê bao 0365175628, nhưng đến nay chưa có kết quả trả lời. Theo P khai, G1 không tham gia việc làm giả giấy phép lái xe tại phòng 1212 tòa S khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện G không xem xét, xử lý.

Đối với đối tượng tên T9 theo bị cáo Đỗ Văn P khai là nhân viên bưu cục Viettel post đã liên hệ để chuyển các đơn hàng là các giấy phép lái xe giả, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã xác minh tại Bưu cục V11, địa chỉ: A, Nguyễn X2, T, Hà Nội: không có nhân viên nào tên T9; không kiểm tra được đơn hàng là các đơn hàng nào. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G không có căn cứ để xử lý.

Cơ quan CSĐT - Công an huyện G đã xác minh tại Công ty V9, 16, ngõ B, L, T, L, Hà Nội, kết quả Bưu cục không thể kiểm tra được các đơn hàng đã vận chuyển là các đơn hàng nào. Do đó, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G không có căn cứ để xử lý.

Đối với những người có liên quan đến danh sách đặt làm hồ sơ giấy phép lái xe giả của Đỗ Văn P và đồng bọn, quá trình điều tra xác minh đến nay đã làm rõ 77 trường hợp có kết quả xác minh, lấy lời khai và thu thập tài liệu, chứng cứ. Trong đó: 17 người không nhận, không sử dụng giấy phép lái xe giả và 03 người khẳng định không đặt làm giấy phép lái xe giả, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G không có căn cứ xử lý; Ngoài ra, 10 trường hợp khai nhận có đặt làm giả, đã sử dụng giấy phép lái xe giả và 47 trường hợp hiện không có mặt tại địa phương, chưa xác định được cùng tất cả những trường hợp đến nay chưa có kết quả ủy thác, xác minh, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G nhận thấy chưa đủ căn cứ tài liệu xác định các đối tượng này sử dụng giấy phép lái xe giả để thực hiện hành vi trái pháp luật. Vì vậy, Cơ quan CSĐT - Công an huyện G tách toàn bộ tài liệu liên

quan đến các đối tượng này để tiếp tục điều tra, xác minh làm rõ, khi nào đủ căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Tại bản Cáo trạng số 188/CT-VKSGL ngày 04 tháng 11 năm 2022, Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố bị cáo Đỗ Văn P bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội truy tố về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a, c khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Truy tố các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội truy tố về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Các bị cáo khai nhận như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận đã có hành vi “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố tại phiên tòa hôm nay và xác nhận hoàn toàn đúng với hành vi mà bị cáo đã thực hiện.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa, sau khi phân tích vai trò, tính chất, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo đã kết luận giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo với nội dung Cáo trạng truy tố. Xác định vụ án đồng phạm, trong đó, bị cáo Đỗ Văn P có vai trò là người khởi xướng, chủ mưu, là người thực hiện hành vi làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức. Bị cáo Nguyễn Văn B1, Nguyễn Văn B và Trần Văn Đ có vai trò đồng phạm giúp sức, thực hiện hành vi phạm tội.

Quá trình đấu tranh tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận: Sau khi các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ tư vấn, trả lời tin nhắn của khách hàng và chốt đơn xong chuyển cho bị cáo P. Sau đó bị cáo P sử dụng các máy móc, thiết bị để làm toàn bộ các giấy tờ giả trong cùng một lần (một thời điểm). Do đó, đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX không áp dụng tình tiết “*Phạm tội 02 lần trở lên*” theo điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo Đỗ Văn P, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ phạm tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

- Áp dụng: điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Văn P.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Tổng hợp hình phạt 03 năm tù của bản án số 242/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là từ 06 năm 06 tháng tù đến 07 năm tù. Thời hạn

tù tính từ ngày 30/3/2022, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam của bản án trước từ ngày 29/10/2020 đến ngày 02/3/2021.

- Áp dụng: điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **36** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 **36** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ đến **36** tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ cho chính quyền nơi cư trú của các bị cáo để giám sát bị cáo trong thời gian thử thách của án treo.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về các biện pháp tư pháp: Đối với số 123.040.196 đồng là tiền thu lợi bất chính nên buộc các bị cáo phải truy thu để tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau: Bị cáo Đỗ Văn P bị truy thu số tiền 93.040.196 đồng; bị cáo Nguyễn Văn B bị truy thu số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn B1 bị truy thu số tiền 10.000.000 đồng và bị cáo Trần Văn Đ bị truy thu số tiền 5.000.000 đồng. Gia đình các bị cáo đã nộp một phần số tiền thu lợi bất chính được trừ đi các bị cáo tiếp tục có nghĩa vụ tiếp tục nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 04 lọ mực in màu của máy in loại Canon PixMa-G1010; 06 cuộn băng màu đen của máy in thẻ Hiti CS 200e; 04 tập giấy A4, nhãn hiệu Couche; 02 quyển sổ kẻ ngang KT (7mm) kích thước (175x250)cm; 01 CCCD số: 037092000581, mang tên Hà Văn T6, SN: 15/9/1992, Nơi thường trú: Q, Nho Q4, Ninh Bình; 34 giấy phép lái xe loại thẻ cứng; 02 tập tem dùng để ép giấy phép lái xe (loại thẻ cứng); 200 phong bì màu trắng, kích thước khoảng 23x16cm; 250 vỏ hộp cát tông; 35 phong bì EMS chưa ghi nội dung; 30 phôi nhựa có kích thước khoảng 5,5x8,5cm; 50 túi ni lông kích thước khoảng 5,5x8,5cm; 01 căn cước công dân số 010509700030, cấp ngày 01/01/2020, mang tên Lê Hồng P2, nơi thường trú: 102B, A8, N, Cầu G, Hà Nội; 01 căn cước công dân số 038202005568, cấp ngày 11/5/2019, mang tên Quách Văn Q, nơi thường trú: Thôn X, C, C, Thanh H15; 01 giấy CMND mang tên Hoàng Văn Q1; nơi thường trú: xã C, P, Gia Lai; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B, STK: 22729497; 01 thẻ VISA của Ngân hàng M3 mang tên Lê Hồng P2 có số 4089041085674349; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P có số 4221094004755946; 01 thẻ VISA

của Ngân hàng M3 mang tên Đỗ Văn P có số 4089041051331775; 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P, có số 5370181017176198; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407; 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407; 01 GPLX hạng A1, số: 250182016482, mang tên Đỗ Thị D1, ngày sinh: 19/7/1990. Nơi cư trú: Xã L, V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ Văn V3 và in dấu tròn đỏ Sở G5 ngày cấp 26/2/2022; 01 GPLX hạng A1, số: 580211640492, mang tên: Hoàng Văn D, ngày sinh: 28/5/1991. Nơi cư trú: xã L, huyện V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ Văn V3 và in dấu tròn đỏ do Sở Giao thông Vận tải Hà Nội ngày cấp 26/2/2022.

- Tịch thu sung công: 01 máy in loại Canon, nhãn hiệu PixMa-G1010 đã qua sử dụng; 01 máy in nhãn hiệu Hiti Card Printer, Moden CS-200e, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell ine, Model Inspiron 7559, đã qua sử dụng; 02 case máy tính gồm: 01 case nhãn hiệu và model T37 by O.E.M và 01 case nhãn hiệu Micro Star, international Co. LTd model MS-7B75, đã qua sử dụng; 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, loại 1TB, số S/n: WXF 2ABOLS7F9; MDL: WD10SPZX-21Z110T0; 01 điện thoại di động kiểu máy live4, màu xanh, số imel: 354581112760666, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Đỗ Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số imel: 354452062223396, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, số imel: 353905101902313, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu xám, số imel: 354386063252238, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ.

- Trả lại bị cáo Trần Văn Đ: 01 CCCD số: 017202005612, mang tên Trần Văn Đ, SN: 31/3/2002, Nơi thường trú: D, C, Hòa Bình.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn B: 01 CCCD số: 036098006043, mang tên Nguyễn Văn B, SN: 23/12/1998, Nơi thường trú: G, G, Nam Định.

- Trả lại bị cáo Đỗ Văn P: 01 chứng minh thư nhân dân (loại giấy), số: 163453239, mang tên Đỗ Văn P, SN: 16/7/1998, HKTT: xã G, huyện G, Nam Định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số imel: 353324652542090, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ, số imel: 353055114298208, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng, số imel: 356395102642158, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

* Những tài liệu tịch thu và lưu trong hồ sơ là căn cứ chứng minh hành vi phạm tội gồm: 04 phiêu chứng chỉ sơ cấp nghề; 01 bộ hồ sơ sát hạch gồm 03 trang giấy A4; 01 tờ giấy A4 ghi nội dung Hà Văn T6; khu liên 22 chung cư A complex,

Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT người nhận 0813848300; 02 tờ giấy A4 ghi nội dung Bưu cục SMS; số 1 T, X, B, Hà Nội 05284139999; 07 tờ giấy A4 ghi nội dung Người gửi: PHONG; khu liên 22 chung cư A complex, Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT 0813848300; 30 bài thi sách hạch lý thuyết ở dưới có chữ ký, dấu tên của sát hạch viên Bùi Văn T7; 12 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có tên người khám, ở dưới có kết luận đủ sức khỏe lái xe, có chữ ký, dấu tên của BS Đỗ Văn T8 và dấu Giám định y khoa của Cục Y; Bệnh viện GTVT TW.

Trong phần Tranh luận các bị cáo không có ý kiến gì với quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát. Khi nói lời sau cùng: Các bị cáo thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện G, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Đỗ Văn P, Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với sơ đồ hiện trường, phù hợp với các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Đủ căn cứ xác định:

Trong khoảng thời gian từ tháng 01/2022 đến ngày 29/3/2022, tại phòng 1212 tòa S khu đô thị V, xã Đ, G, Hà Nội, bị cáo Đỗ Văn P khởi xướng rủ các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ làm giả tổng số 293 giấy phép lái xe (ô tô, xe máy), 879 tài liệu gồm: giấy khám sức khỏe, đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe, bản tổng hợp kết quả sát hạch và các chứng chỉ sơ cấp nghề (đối với hồ sơ giấy phép lái xe ô tô) và với số tài liệu giả gồm: 04 phôi chứng chỉ sơ cấp nghề; 34 giấy phép lái xe loại thẻ cứng; 01 bộ hồ sơ sát hạch gồm 03 trang giấy A4; 30 bài thi sách hạch lý thuyết ở dưới có chữ ký, dấu tên của sát hạch viên Bùi Văn T7; 12 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có tên người khám, ở dưới có kết luận đủ sức khỏe lái xe, có chữ ký, dấu tên của BS Đỗ Văn T8 và dấu Giám định y khoa của Cục Y- Bệnh viện GTVT TW là vật chứng do cơ quan Công an thu giữ tại phòng 1212 tòa S1.02 khu đô thị V, Đ, G, Hà Nội. Bị cáo Đỗ Văn P đã thu lợi bất chính số tiền 123.040.196 đồng.

Hành vi của bị cáo Đỗ Văn P đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, c khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Do vậy, Cơ quan điều tra Công an huyện G khởi tố và Viện kiểm sát nhân dân huyện Gia Lâm truy tố các bị cáo là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng tính chất và mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, các bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính, quyền lợi hợp pháp của công dân, làm ảnh hưởng xấu đến trật tự, an toàn xã hội. Ngoài ra hành vi của các bị cáo còn gây ảnh hưởng đến nhiều mặt của đời sống xã hội, do vậy cần phải xử lý nghiêm các bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục các bị cáo, đồng thời để có tác dụng đấu tranh, phòng chống tội phạm.

[4]. Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo:

Đây là vụ án đồng phạm. Bị cáo Đỗ Văn P là người chủ mưu, khởi xướng, thực hiện hành vi phạm tội, hướng dẫn cách nhận hồ sơ, tự chạy quảng cáo, thu thập thông tin khách hàng cho các bị cáo khác. Là người trực tiếp thuê địa điểm để các bị cáo khác ở và là chỗ làm giả các giấy tờ tài liệu và chuẩn bị các công cụ, phương tiện làm giả như: máy tính xách tay, máy in Canon để in chứng chỉ nghề giả; 01 máy in Hiti để in giấy phép lái xe giả; các phôi in giấy phép lái xe giả; giấy A4 hai mặt bóng để in chứng chỉ giả; mua các loại mực in màu; mua giấy A4. Bị cáo P là người trực tiếp làm giả các giấy phép lái xe (ô tô, xe máy), tài liệu gồm: giấy khám sức khỏe, đơn đề nghị học sát hạch để cấp giấy phép lái xe, bản tổng hợp kết quả sát hạch và các chứng chỉ sơ cấp nghề (đối với hồ sơ giấy phép lái xe ô tô) và với số tài liệu giả gồm: 04 phôi chứng chỉ sơ cấp nghề; 34 giấy phép lái xe loại thẻ cứng; 01 bộ hồ sơ sát hạch gồm 03 trang giấy A4; 30 bài thi sách hạch lý thuyết ở dưới có chữ ký, dấu tên của sát hạch viên Bùi Văn T7; 12 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có tên người khám, ở dưới có kết luận đủ sức khỏe lái xe, có chữ ký, dấu tên của BS Đỗ Văn T8 và dấu Giám định y khoa của Cục Y- Bệnh viện GTVT TW. P là người trực tiếp liên hệ người chuyển và tổ chức chuyển giấy tờ giả đến khách hàng. Đồng thời, P sử dụng số tài khoản 0363173063 mang tên Hoàng Văn Q1 do P đăng ký tài khoản Ngân hàng Thương mại cổ phần S5 từ chứng minh nhân dân giả mang tên Hoàng Văn Q1, sinh ngày 03/3/2001; nơi thường trú: xã C, P, Gia Lai mua trên mạng, mục đích nhận tiền chuyển từ việc bán các giấy phép lái xe giả. Ngoài ra, P sử dụng số tài khoản

2333334568888 Ngân hàng Q6 là tài khoản cá nhân mang tên Đỗ Văn P, trong đó cũng sử dụng vào mục đích thu lợi từ việc bán giấy phép lái xe giả.

Đối với Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ: Các bị cáo có vai trò giúp sức tích cực cho Đỗ Văn P. Các bị cáo được P giao cho làm công việc chính là nhắn tin, trực tiếp nhận thông tin của những người có nhu cầu làm giấy tờ giả, báo giá sau đó chuyển thông tin cho P để P làm giấy tờ giả. Các bị cáo không tham gia làm giấy tờ giả mà chỉ do P thực hiện và không biết P làm ra bao nhiêu giấy tờ, tài liệu giả. Các bị cáo được P nuôi ăn ở và trả công mỗi tháng 3.000.000 đồng. Ngoài ra, mỗi bộ hồ sơ giấy phép lái xe được đặt hàng thành công sẽ được trả công thêm 100.000 đồng. Các bị cáo Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ chưa nhận được tiền lương và tiền công. Bị cáo Nguyễn Văn B nhận được 3.000.000 đồng tiền lương. Các bị cáo có vai trò ngang nhau trong vụ án nên khi áp dụng hình phạt cần cho các bị cáo mức hình phạt giống nhau mới tương xứng với mức độ hành vi của các bị cáo.

[4.1]. *Về các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.2]. *Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo tác động về gia đình để tự nguyện khắc phục hậu quả. Đồng thời, các bị cáo đều có hoàn cảnh gia đình rất khó khăn được chính quyền địa phương xác nhận và các bị cáo đều là lao động chính trong gia đình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Bản án số 242/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa xử phạt Đỗ Văn P 03(Ba) năm tù về tội *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*. Khi bị cáo được tại ngoại, bị cáo vẫn tiếp tục thực hiện hành vi *Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*. Đến nay, bản án đã có hiệu lực pháp luật và phải tổng hợp hình phạt 02 bản án. Điều này chứng tỏ bị cáo đã được giáo dục, cải tạo nhưng cố tình phạm tội, cần áp dụng hình phạt tù giam tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để giáo dục cũng như phòng ngừa chung.

- Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, lần đầu phạm tội, các bị cáo thực hiện vai trò giúp sức, không được hưởng lợi, các bị cáo còn trẻ tương lai còn sáng lạng. Đồng thời, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Cho đến nay, thời gian tạm giam của các bị cáo từ 30/3/2022 đến ngày xét xử (08 tháng 27 ngày) cũng đủ thời gian răn đe, giáo dục các bị cáo và đủ thời gian để các bị cáo suy nghĩ, tự sửa chữa, hoàn thiện bản thân nên xét thấy không cần thiết cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội mà cho các bị cáo hưởng án treo theo quy định tại Điều 65 Bộ luật

hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017 cũng đủ giáo dục và cải tạo các bị cáo. Giao các bị cáo cho chính quyền nơi cư trú và gia đình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo.

Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có việc làm, thu nhập không ổn định nên miễn hình phạt bổ sung bằng tiền cho các bị cáo.

[5] *Về các biện pháp tư pháp:* Đối với số 123.040.196 đồng là tiền thu lợi bất chính nên buộc các bị cáo phải nộp lại để nộp Ngân sách Nhà nước. Bị cáo Đỗ Văn P là người nhận toàn bộ số tiền trên và tự hưởng lợi không chia cho các bị cáo khác nên bị cáo P phải chịu trách nhiệm chính. Các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ chịu một phần trách nhiệm. Cụ thể như sau: Bị cáo Đỗ Văn P bị truy thu số tiền 93.040.196 đồng; bị cáo Nguyễn Văn B bị truy thu số tiền 15.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Văn B1 bị truy thu số tiền 10.000.000 đồng và bị cáo Trần Văn Đ bị truy thu số tiền 5.000.000 đồng. Gia đình các bị cáo đã nộp một phần số tiền thu lợi bất chính được trừ đi các bị cáo tiếp tục có nghĩa vụ tiếp tục nộp số tiền thu lợi bất chính còn lại.

[6]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 04 lọ mực in màu của máy in loại Canon PixMa-G1010; 06 cuộn băng màu đen của máy in thẻ Hiti CS 200e; 04 tập giấy A4, nhãn hiệu Couche; 02 quyển sổ kẻ ngang KT (7mm) kích thước (175x250)cm; 01 CCCD số: 037092000581, mang tên Hà Văn T6, SN: 15/9/1992, Nơi thường trú: Q, Nho Q4, Ninh Bình; 34 giấy phép lái xe loại thẻ cứng; 02 tập tem dùng để ép giấy phép lái xe (loại thẻ cứng); 200 phong bì màu trắng, kích thước khoảng 23x16cm; 250 vỏ hộp cát tông; 35 phong bì EMS chưa ghi nội dung; 30 phôi nhựa có kích thước khoảng 5,5x8,5cm; 50 túi ni lông kích thước khoảng 5,5x8,5cm; 01 căn cước công dân số 010509700030, cấp ngày 01/01/2020, mang tên Lê Hồng P2, nơi thường trú: 102B, A8, N, Cầu G, Hà Nội; 01 căn cước công dân số 038202005568, cấp ngày 11/5/2019, mang tên Quách Văn Q, nơi thường trú: Thôn X, C, C, Thanh H15; 01 giấy CMND mang tên Hoàng Văn Q1; nơi thường trú: xã C, P, Gia Lai; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B, STK: 22729497; 01 thẻ VISA của Ngân hàng M3 mang tên Lê Hồng P2 có số 4089041085674349; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P có số 4221094004755946; 01 thẻ VISA của Ngân hàng M3 mang tên Đỗ Văn P có số 4089041051331775; 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P, có số 5370181017176198; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407; 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407; 01 GPLX hạng A1, số: 250182016482, mang tên Đỗ Thị D1, ngày sinh: 19/7/1990. Nơi cư trú: Xã L, V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ Văn V3 và in dấu tròn đỏ Sở G5 ngày cấp 26/2/2022; 01 GPLX hạng A1, số: 580211640492, mang tên: Hoàng Văn D, ngày sinh: 28/5/1991. Nơi cư trú: xã L, huyện V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ

Văn V3 và in dấu tròn đỏ Sở G5 ngày cấp 26/2/2022. Xác định không có giá trị sử dụng nên HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cho tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 máy in loại Canon, nhãn hiệu PixMa-G1010 đã qua sử dụng; 01 máy in nhãn hiệu Hiti Card Printer, Moden CS-200e, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell ine, Model Inspiron 7559, đã qua sử dụng; 02 case máy tính gồm: 01 case nhãn hiệu và model T37 by O.E.M và 01 case nhãn hiệu Micro Star, inernational Co. LTd model MS-7B75, đã qua sử dụng; 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, loại 1TB, số S/n: WXF 2ABOLS7F9; MDL: WD10SPZX-21Z110T0; 01 điện thoại di động kiểu máy live4, màu xanh, số imel: 354581112760666, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Đỗ Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số imel: 354452062223396, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, số imel: 353905101902313, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu xám, số imel: 354386063252238, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ. Xác định liên quan đến hành vi phạm tội nên HĐXX căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cho tịch thu nộp ngân sách Nhà nước.

- Trả bị cáo Trần Văn Đ: 01 CCCD số: 017202005612, mang tên Trần Văn Đ, SN: 31/3/2002, Nơi thường trú: D, C, Hòa Bình.

- Trả bị cáo Nguyễn Văn B: 01 CCCD số: 036098006043, mang tên Nguyễn Văn B, SN: 23/12/1998, Nơi thường trú: G, G, Nam Định.

- Trả bị cáo Đỗ Văn P: 01 chứng minh thư nhân dân (loại giấy), số: 163453239, mang tên Đỗ Văn P, SN: 16/7/1998, HKTT: xã G, huyện G, Nam Định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số imel: 353324652542090, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ, số imel: 353055114298208, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng, số imel: 356395102642158, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

* Những tài liệu liên quan bị tịch thu và lưu trong hồ sơ là căn cứ chứng minh hành vi phạm tội gồm: 04 phiêu chứng chỉ sơ cấp nghề; 01 bộ hồ sơ sát hạch gồm 03 trang giấy A4; 01 tờ giấy A4 ghi nội dung Hà Văn T6; khu liên 22 chung cư A complex, Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT người nhận 0813848300; 02 tờ giấy A4 ghi nội dung Bưu cục SMS; số 1 T, X, B, Hà Nội 05284139999; 07 tờ giấy A4 ghi nội dung Người gửi: PHONG; khu liên 22 chung cư A complex, Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT 0813848300; 30 bài thi sách hạch lý thuyết ở dưới có chữ ký, dấu tên

của sát hạch viên Bùi Văn T7; 12 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có tên người khám, ở dưới có kết luận đủ sức khỏe lái xe, có chữ ký, dấu tên của BS Đỗ Văn T8 và dấu Giám định y khoa của Cục Y; Bệnh viện GTVT TW.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 mục I; mục II Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[8] Bị cáo và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điểm a, c khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38; Điều 56 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với bị cáo Đỗ Văn P.

- Điểm a khoản 3 Điều 341; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015- sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ.

- Điều 106; Điều 136; Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Danh mục án phí, lệ phí tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội đối với các bị cáo.

[1]. Về hình phạt:

- Xử phạt bị cáo Đỗ Văn P **04**(Bốn) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”. Tổng hợp hình phạt **03**(Ba) năm tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” của bản án hình sự sơ thẩm số 242/2022/HSST ngày 29/8/2022 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa. Buộc bị cáo Đỗ Văn P phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là **07**(Bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 30/3/2022, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/10/2020 đến ngày 02/3/2021.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B **36**(Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**(Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B cho Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn B1 **36**(Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**(Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn B1 cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện C, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo Trần Văn Đ **36**(Ba mươi sáu) tháng tù về tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” nhưng cho hưởng án treo. Hạn thử thách **60**(Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trần Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh Hòa Bình giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành bản án. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự năm 2019. Trong thời gian thử thách, nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Trả tự do ngay tại phiên tòa cho các bị cáo Nguyễn Văn B, Nguyễn Văn B1 và Trần Văn Đ đang bị tạm giam, nếu các bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

[2]. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

[3]. Về các biện pháp tư pháp: Truy nộp số tiền 123.040.196 đồng thu lợi bất chính đối với các bị cáo để tịch thu nộp ngân sách Nhà nước. Cụ thể:

- Truy thu bị cáo Đỗ Văn P số tiền 93.040.196 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 20.000.000 đồng do gia đình bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0055238 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Bị cáo Đỗ Văn P còn phải nộp số tiền 73.040.196 đồng.

- Truy thu bị cáo Nguyễn Văn B số tiền 15.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 8.000.000 đồng do gia đình bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0055241 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Bị cáo Nguyễn Văn B còn phải nộp số tiền 7.000.000 đồng.

- Truy thu bị cáo Nguyễn Văn B1 số tiền 10.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng do gia đình bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0055240 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội. Bị cáo Nguyễn Văn B1 còn phải nộp số tiền 5.000.000 đồng.

- Truy thu bị cáo Trần Văn Đ số tiền 5.000.000 đồng để nộp ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng do gia đình bị cáo đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2020/0055239 ngày 22/11/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu tiêu hủy: 04 lọ mực in màu của máy in loại Canon PixMa-G1010; 06 cuộn băng màu đen của máy in thẻ Hiti CS 200e; 04 tập giấy A4, nhãn hiệu Couche; 02 quyển sổ kẻ ngang KT (7mm) kích thước (175x250)cm; 01 CCCD số: 037092000581, mang tên Hà Văn T6, SN: 15/9/1992, Nơi thường trú: Q, Nho Q4, Ninh Bình; 34 giấy phép lái xe loại thẻ cứng; 02 tập tem dùng để ép giấy phép lái xe (loại thẻ cứng); 200 phong bì màu trắng, kích thước khoảng 23x16cm; 250 vỏ hộp cát tông; 35 phong bì EMS chưa ghi nội dung; 30 phôi nhựa có kích thước khoảng 5,5x8,5cm; 50 túi ni lông kích thước khoảng 5,5x8,5cm; 01 căn cước công dân số 010509700030, cấp ngày 01/01/2020, mang tên Lê Hồng P2, nơi thường trú: 102B, A8, N, Cầu G, Hà Nội; 01 căn cước công dân số 038202005568, cấp ngày 11/5/2019, mang tên Quách Văn Q, nơi thường trú: Thôn X, C, C, Thanh H15; 01 giấy CMND mang tên Hoàng Văn Q1; nơi thường trú: xã C, P, Gia Lai; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B, STK: 22729497; 01 thẻ VISA của Ngân hàng M3 mang tên Lê Hồng P2 có số 4089041085674349; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P có số 4221094004755946; 01 thẻ VISA của Ngân hàng M3 mang tên Đỗ Văn P có số 4089041051331775; 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Đỗ Văn P, có số 5370181017176198; 01 thẻ VISA của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407; 01 thẻ của Ngân hàng A3 mang tên Nguyễn Văn B1, STK 22728407; 01 GPLX hạng A1, số: 250182016482, mang tên Đỗ Thị D1, ngày sinh: 19/7/1990. Nơi cư trú: Xã L, V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ Văn V3 và in dấu tròn đỏ Sở G5 ngày cấp 26/2/2022; 01 GPLX hạng A1, số: 580211640492, mang tên: Hoàng Văn D, ngày sinh: 28/5/1991. Nơi cư trú: Liên Nghĩa, V, Hưng Yên. Có chữ ký đề tên: Giám đốc Vũ Văn V3 và in dấu tròn đỏ Sở G5 ngày cấp 26/2/2022.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 máy in loại Canon, nhãn hiệu PixMa-G1010 đã qua sử dụng; 01 máy in nhãn hiệu Hiti Card Printer, Moden CS-200e, đã qua sử dụng; 01 máy tính xách tay hiệu Dell ine, Model Inspiron 7559, đã qua sử dụng; 02 case máy tính gồm: 01 case nhãn hiệu và model T37 by O.E.M và 01 case nhãn hiệu Micro Star, inernational Co. LTd model MS-7B75, đã qua sử dụng; 01 ổ cứng nhãn hiệu Western Digital, loại 1TB, số S/n: WXF 2ABOLS7F9; MDL: WD10SPZX-21Z110T0; 01 điện thoại di động kiểu máy live4, màu xanh, số imel: 354581112760666, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Đỗ Văn P; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 Plus, màu vàng, số imel: 354452062223396, máy đã qua sử dụng, không

kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Promax, màu đen, số imel: 353905101902313, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Nguyễn Văn B1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6 plus, màu xám, số imel: 354386063252238, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy thu giữ của bị cáo Trần Văn Đ.

- Trả bị cáo Trần Văn Đ: 01 CCCD số: 017202005612, mang tên Trần Văn Đ, SN: 31/3/2002, Nơi thường trú: D, C, Hòa Bình.

- Trả bị cáo Nguyễn Văn B: 01 CCCD số: 036098006043, mang tên Nguyễn Văn B, SN: 23/12/1998, Nơi thường trú: G, G, Nam Định.

- Trả bị cáo Đỗ Văn P: 01 chứng minh thư nhân dân (loại giấy), số: 163453239, mang tên Đỗ Văn P, SN: 16/7/1998, HKTT: Giao Yên, G, Nam Định; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Promax, màu xanh, số imel: 353324652542090, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12, màu đỏ, số imel: 353055114298208, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 8, màu vàng, số imel: 356395102642158, máy đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng máy.

(Biên bản giao nhận tài liệu, vật chứng ngày 09 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gia Lâm, thành phố Hà Nội).

- Tịch thu và lưu trong hồ sơ là căn cứ chứng minh hành vi phạm tội gồm: 04 phôi chứng chỉ sơ cấp nghề; 01 bộ hồ sơ sát hạch gồm 03 trang giấy A4; 01 tờ giấy A4 ghi nội dung Hà Văn T6; khu liên 22 chung cư A complex, Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT người nhận 0813848300; 02 tờ giấy A4 ghi nội dung Bru cục SMS; số 1 T, X, B, Hà Nội 05284139999; 07 tờ giấy A4 ghi nội dung Người gửi: PHONG; khu liên 22 chung cư A complex, Xuân P1, N, Hà Nội; SĐT 0813848300; 30 bài thi sách hạch lý thuyết ở dưới có chữ ký, dấu tên của sát hạch viên Bùi Văn T7; 12 Giấy khám sức khỏe của người lái xe, không có tên người khám, ở dưới có kết luận đủ sức khỏe lái xe, có chữ ký, dấu tên của BS Đỗ Văn T8 và dấu Giám định y khoa của Cục Y; Bệnh viện GTVT TW.

[5]. Về án phí: Mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn xin thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong các khoản tiền thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án.

[6]. Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án hoặc quyết định có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội
- VKSND huyện Gia Lâm;
- Công an huyện Gia Lâm;
- Chi cục THA dân sự H. Gia Lâm;
- Sở tư pháp Hà Nội;
- Trại tạm giam số 1 CA Hà Nội;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS; THS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cồ Khắc Đàm